

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NGHỆ AN
Bản án số: 36/2025/DS - ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 25/9/2025
Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy.
- Các Hội thẩm nhân dân:
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên; thư ký TAND khu vực 4
- Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên toà:
Ông Hà Đức Thắng; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 24/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 43/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: K, phường Q, tỉnh Nghệ An.

Bị đơn: Anh Hồ Văn V, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

và chị Lê Thị H, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: K, phường Q, tỉnh Nghệ An.

Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: K, phường Q, tỉnh Nghệ An.

2. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: K, phường Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn (bà Nguyễn Thị D) trình bày:

Ngày 29 tháng 12 năm 2016 (âm lịch) tức ngày 26 tháng 01 năm 2017 (dương lịch) bà có cho vợ chồng chị Lê Thị H, anh Hồ Văn V, có địa chỉ khối G, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thời hạn vay là 3 tháng.

Sau khi vay tiền, vợ chồng anh V, chị H đã trả tiền cho bà nhiều lần tổng cộng 32.000.000đ (ba mươi hai triệu đồng), cụ thể về thời gian, số tiền từng lần trả như chị Lê Thị H đã trình bày tại bản tự khai như sau:

- Ngày 02/10/2019, anh V trả cho bà tiền mặt số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Ngày 22/01/2020 chị H trả cho bà tiền mặt số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Ngày 08/8/2024, chị H trả cho bà qua tài khoản ngân hàng của con gái bà (Nguyễn Thị H1) số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Ngày 28/8/2024, chị H trả cho bà qua tài khoản ngân hàng của con gái bà số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Ngày 01/9/2024, chị H trả tiếp cho bà qua tài khoản ngân hàng của con gái bà số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Ngày 27/12/2024, chị H trả tiếp cho bà qua tài khoản ngân hàng của con gái bà số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Ngày 27/01/2025, chị H trả tiếp cho bà qua tài khoản ngân hàng của con gái bà số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Ngày 28/01/2025, chị H trả tiếp cho bà qua tài khoản ngân hàng của con gái bà số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Nay bà yêu cầu Toà án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An giải quyết buộc chị Lê Thị H, anh Hồ Văn V phải trả cho bà số tiền gốc còn lại là 68.000.000đ và tiền lãi suất chậm thanh toán (0,83%/ tháng) cụ thể như sau:

- Từ ngày 27/4/20217 đến ngày 02/10/2019 (29 tháng 4 ngày): $100.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 29 \text{ tháng} 4 \text{ ngày} = 24.180.000đ$ (Hai mươi tư triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

- Từ ngày 03/10/2019 đến ngày 22/01/2020 (03 tháng 20 ngày): $90.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 3 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 2.739.000đ$ (Hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

- Từ ngày 23/01/2020 đến ngày 08/8/2024 (54 tháng 15 ngày): $85.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 54 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 38.449.000đ$ (Ba mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Từ ngày 09/8/2024 đến ngày 25/9/2025: $68.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 7.638.000đ$ (Bảy triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Tổng cộng tiền lãi suất là: $24.180.000đ + 2.739.000đ + 38.449.000đ + 7.638.000đ = 73.006.000đ$ (Bảy mươi ba triệu không trăm linh sáu nghìn đồng).

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi suất 141.006.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu không trăm linh sáu nghìn đồng)

Theo bản tự khai bị đơn (chị Lê Thị H) trình bày: Năm 2016 chị có nợ tiền phường của bà D số tiền 40.000.000đ sau đó do điều kiện khó khăn chị không trả được tiền phường nên chị đồng ý trả lãi cho bà D. Đến ngày 29/12/2016 (AL) hai bên chốt nợ giấy vay tiền nội dung chị vay của bà D số tiền 100.000.000đ. Giấy vay tiền do bà D soạn sẵn bằng tay chị có điền các thông tin vào giấy vay tiền. Thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày viết giấy vay tiền.

Sau đó chị đã trả cho bà D cụ thể như sau:

- Ngày 02/10/2019, anh V trả cho bà D tiền mặt số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Ngày 22/01/2020 chị trả cho bà D tiền mặt số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Ngày 08/8/2024, chị trả cho bà D qua tài khoản ngân hàng của con gái bà (Nguyễn Thị H1) số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Ngày 28/8/2024, chị trả cho bà D qua tài khoản ngân hàng của con gái bà số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Ngày 01/9/2024, chị trả tiếp cho bà D qua tài khoản ngân hàng của con gái bà số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Ngày 27/12/2024, chị trả tiếp cho bà D qua tài khoản ngân hàng của con gái bà số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Ngày 27/01/2025, chị trả tiếp cho bà D qua tài khoản ngân hàng của con gái bà số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

- Ngày 28/01/2025, chị trả tiếp cho bà D qua tài khoản ngân hàng của con gái bà số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Hiện nay chị còn nợ bà D số tiền 68.000.000đ. Số tiền đó chị xin trả dần cho bà D mỗi tháng 5.000.000đ bắt đầu từ tháng 5/2025

cho đến khi hết nợ. Chị không đồng ý trả lãi khoản vay này không liên quan đến chồng chị là anh Hồ Văn V.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Hồ Văn V, anh V cũng đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có bất cứ ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu trả nợ của bà Nguyễn Thị D

Theo bản tự khai người làm chứng ông Nguyễn Đình T trình bày: Ông không có quan hệ họ hàng, người thân gì với bà Nguyễn Thị D, anh Hồ Văn V và chị Lê Thị H. Vào khoảng tháng 3/2024, ông có chở bà Nguyễn Thị D xuống nhà anh Hồ Văn V và chị Lê Thị H tại khối G, phường Q, thị xã H nay là khối G, phường Q, tỉnh Nghệ An để hỏi đòi tiền vay nợ của anh V và chị H. Khi đến nhà anh V và chị H thì ông và bà D có gặp hai vợ chồng anh V và chị H ở nhà. Anh V và chị H có khát nợ và hẹn bà D ít ngày sau sẽ cố gắng trả bớt nợ cho bà D số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000 đồng. Sau đó, ông có đèo bà D về nhà tại khối A, phường Q (nay là phường Q). Ông không chứng kiến hay biết rõ nội dung vay tiền trước đó của bà Nguyễn Thị D và anh Hồ Văn V, chị Lê Thị H. Ông cam đoan nội dung trình bày trên của ông là đúng sự thật, và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Theo bản tự khai người làm chứng chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị là con gái của bà Nguyễn Thị D do bà D không có số tài khoản Ngân hàng chị có số tài khoản Ngân hàng nên chị H có mấy lần trả tiền lãi cho mẹ chị thông qua tài khoản của chị. Những lần chị H chuyển khoản chị đều đưa lại cho mẹ chị là bà Nguyễn Thị D. Chị không liên quan gì đến chuyện vay nợ giữa bà D với vợ chồng chị H, anh V. Chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Nghệ An phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện đúng theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 266; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi suất. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D buộc chị Lê Thị H, anh Hồ Văn V phải trả cho bà Nguyễn Thị D tổng số tiền nợ gốc và lãi suất tạm tính đến ngày 25/9/2025 là 141.006.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu không trăm linh sáu nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 68.00.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng) và số tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố là: 0,83 %/tháng tính từ ngày 27/4/2017 (ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán) đến ngày 25/9/2025 tổng số tiền 73.006.000đ (Bảy mươi ba triệu không trăm linh sáu nghìn đồng)

Về án phí: Anh Hồ Văn V, chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Lê Thị H, anh Hồ Văn V có nơi cư trú tại K, phường Q (phường Q cũ), tỉnh Nghệ An, vì vậy theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân khu vực 4 - Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Chị Lê Thị H trình bày anh Hồ Văn V không liên quan đến việc vay nợ với bà D. Tuy nhiên tại các giấy vay tiền đều thể hiện người vay tiền là anh Hồ Văn V và anh V cũng đã ký nhận vào giấy tờ vay đó không có ai ép buộc gì ngoài ra người làm chứng ông T có trình bày ông có chở bà D đi đòi nợ, khi đến nhà anh V và chị H thì ông và bà D có gặp hai vợ chồng anh V và chị H ở nhà. Anh V và chị H đều khát nợ và hẹn bà D ít ngày sau sẽ cố gắng trả bớt nợ cho bà D. Do đó Hội đồng xét xử xác định anh V tham gia tố tụng với tư cách tố tụng là bị đơn.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử không áp dụng thời hiệu trong vụ án này.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi suất tạm tính đến ngày xét xử 25/9/2025 là 141.006.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu không trăm linh sáu nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 68.00.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng) và số tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố là: 0,83 %/tháng tính từ ngày 27/4/2017 (Ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán) đến ngày 25/9/2025 tổng số tiền 73.006.000đ (Bảy mươi ba triệu không trăm linh sáu nghìn đồng).

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Giấy vay tiền lập ngày 29/12/2016 (âm lịch) có thể hiện chị H, anh V có vay bà Nguyễn Thị D số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Giấy tờ vay xác định thời hạn trả là 03 tháng kể từ ngày vay, không ghi lãi suất vay.

Bị đơn chị Lê Thị H, anh Hồ Văn V cũng đã thống nhất ký vào giấy vay nợ. Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị H đã thừa nhận trực tiếp ký vào các giấy vay tiền và cam kết tự nguyện ký không ai ép buộc cả. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Hồ Văn V không có bất cứ một ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xác định Giấy vay tiền ngày 29/12/2016 (âm lịch) là hợp đồng vay tài sản giữa các bên có hiệu lực và buộc các bên phải thực hiện theo hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D trình bày chị H, anh V đã trả cho bà số tiền lãi suất là 32.000.000đ. Chị H cũng thừa nhận đã trả cho bà D số tiền là 32.000.000đ nhưng là tiền gốc không phải là tiền lãi suất. Bà D trình bày đây là tiền lãi suất tuy nhiên bà D không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh số tiền chị H, anh V trả là tiền lãi suất ngoài ra tại Giấy vay tiền ngày 29/12/2016 (âm lịch) cũng không thể hiện khoản vay này có lãi suất.

Do đó Hội đồng xét xử xác định đây các hợp đồng trên là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi suất. Khi xem xét Hợp đồng đến hết thời hạn ghi trong hợp đồng bị đơn chưa thực hiện xong quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận nên phải chịu lãi suất do vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Qua nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xác định: Ngày 29/12/2016 (âm lịch) chị H, anh V có vay bà Nguyễn Thị D số tiền gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Giấy tờ vay xác định thời hạn trả là 03 tháng kể từ ngày vay không ghi lãi suất vay.

Sau đó chị H, anh V đã trả cho bà D tiền là 32.000.000đ. Thời gian, số tiền trả nợ từng lần cả chị H bà D đều đã thống nhất với nhau.

Hiện nay, chị H trình bày còn nợ bà D số tiền gốc là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng). Bà D cũng đã đó lời trình bày chỉ yêu cầu chị H, anh V trả cho bà số tiền gốc là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng) do đó Hội đồng xét xử xác định hiện nay chị H, anh V đang còn nợ bà D số tiền gốc là 68.000.000đ (Sáu mươi tám triệu đồng).

Việc bị đơn tiếp tục không trả số tiền gốc là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại các Điều 463, 466; 468; 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, Bà D yêu cầu chị H, anh V phải trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại 68.00.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng) và tiền lãi suất do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày vi phạm 27/4/2017 đến ngày 25/9/2025 là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị D yêu cầu chị H, anh V trả tiền lãi suất do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày vi phạm 27/4/2017 đến ngày 25/9/2025, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Theo Giấy vay tiền lập ngày 29/12/2016 (âm lịch) tức ngày 26 tháng 01 năm 2017 (dương lịch) hai bên có thoả thuận vay trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ký. Đến thời hạn trả nợ chị H, anh V không chịu trả nợ cho bà D là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà D yêu cầu chị H, anh V trả tiền lãi suất do vi phạm thời hạn trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị D yêu cầu chị Lê Thị H, anh Hồ Văn V thanh toán cho bà tiền lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày vi phạm 27/4/2017 đến ngày 25/9/2025 với lãi suất (0,83%/ tháng) cụ thể:

- Từ ngày 27/4/2017 đến ngày 02/10/2019 (29 tháng 4 ngày): $100.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 29 \text{ tháng} 4 \text{ ngày} = 24.180.000đ$ (Hai mươi tư triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

- Từ ngày 03/10/2019 đến ngày 22/01/2020 (03 tháng 20 ngày): $90.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 3 \text{ tháng} 20 \text{ ngày} = 2.739.000đ$ (Hai triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng).

- Từ ngày 23/01/2020 đến ngày 08/8/2024 (54 tháng 15 ngày): $85.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 54 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 38.449.000đ$ (Ba mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Từ ngày 09/8/2024 đến ngày 25/9/2025: $68.000.000đ \times 0,83\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 16 \text{ ngày} = 7.638.000đ$ (Bảy triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Tổng cộng tiền lãi suất là: 24.180.000đ + 2.739.000đ + 38.449.000đ + 7.638.000đ = 73.006.000đ (Bảy mươi ba triệu không trăm linh sáu nghìn đồng) là trong phạm vi quy định mức tính lãi suất tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Lê Thị H, anh Hồ Văn V phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền gốc còn lại là 68.00.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng) và tiền lãi suất do vi phạm nghĩa vụ tính từ ngày vi phạm 27/4/2017 đến ngày 25/9/2025 là 73.006.000đ (Bảy mươi ba triệu không trăm linh sáu nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 141.006.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu không trăm linh sáu nghìn đồng).

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Nghệ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. nên bị đơn chị Lê Thị H, anh Hồ Văn V phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 266; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 463; khoản 4 Điều 466; khoản 2 điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về lãi suất.

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đối với bị đơn chị Lê Thị H, anh Hồ Văn V về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Lê Thị H, anh Hồ Văn V phải trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền nợ tiền gốc còn lại là 68.00.000 đồng (Sáu mươi tám triệu đồng) và tiền lãi suất do vi phạm nghĩa vụ tính từ ngày vi phạm 27/4/2017 đến ngày 25/9/2025 là 73.006.000đ (Bảy mươi ba triệu không trăm linh sáu nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 141.006.000đ (Một trăm bốn mươi một triệu không trăm linh sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về án phí: Anh Hồ Văn V, chị Lê Thị H phải chịu 7.050.000đ (Bảy triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Kỷ phần mỗi người phải chịu 3.525.000đ án phí dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 – Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Huy